

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:



Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng ☒

Ngành: Văn học; Chuyên ngành: Hán Nôm, Nghiên cứu Văn học Việt Nam

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: TRẦN TRỌNG DƯƠNG

2. Ngày tháng năm sinh: 18-01-1980; Nam ☒ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh.; Tôn giáo: không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☐

4. Quê quán: Đoàn Tùng, Thanh Miện, Hải Dương

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số 16, tổ 4, phường Cổ Nhuế, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

6. Địa chỉ liên hệ:

Trần Trọng Dương, Viện Nghiên cứu Hán Nôm, 183 Đặng Tiến Đông, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại di động: 0975297182.....; E-mail: trantrongduonghn@gmail.com

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ 2015 đến nay: giảng viên thỉnh giảng, Học viện Khoa học xã hội, VASS.

Từ 2018 đến nay: giảng viên thỉnh giảng, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn

Từ năm 2010 đến năm 2016, giảng viên thỉnh giảng, Học viện Phật giáo Việt Nam.

Từ năm 2004 đến năm 2007: giảng viên, Khoa Bảo tàng, Đại học Văn hóa Hà Nội

Từ 2007 đến nay: nghiên cứu, nghiên cứu viên chính, Viện Nghiên cứu Hán Nôm, VASS

Chức vụ hiện nay: Trưởng phòng Phòng Nghiên cứu Minh văn

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN
Chức vụ cao nhất đã qua: Trưởng phòng Phòng Nghiên cứu Minh văn

Cơ quan công tác hiện nay: Viện Nghiên cứu Hán Nôm

Địa chỉ cơ quan: 183 Đặng Tiến Đông, Đống Đa, Tp. Hà Nội

Điện thoại cơ quan: 84 24. 38573194

8. Đã nghỉ hưu từ tháng năm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối:

+ Học viện Khoa học Xã hội (2016-nay)

+ Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn (VNU, Hà Nội, 2018- nay)

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng TS số hiệu 00051 ngày 01 - 11 - 2011, số vào sổ cấp bằng: 77, ngành:
Ngữ văn, chuyên ngành: Hán Nôm

Nơi cấp bằng TS: Học viện Khoa học xã hội, Viện Khoa học xã hội Việt Nam.

- Được cấp bằng ThS ngày 06 - 03 - 2006, ngành: Văn học, chuyên ngành: Hán Nôm

Nơi cấp bằng ThS: Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Việt Nam

- Được cấp bằng ĐH ngày 26 - 06 - 2002, ngành: Văn học, chuyên ngành: Hán Nôm.

Nơi cấp bằng ĐH: Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Việt Nam

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ... tháng ... năm ... , ngành: ..

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS cơ sở: Học viện Khoa học xã hội

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS ngành, liên ngành: Văn học

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

+Ngữ văn học cổ điển, Văn học trung đại Việt Nam (từ tư tưởng Nho giáo, Phật giáo),

+Văn tự học, Văn bản học, minh văn học, văn hiến học

+Ngôn ngữ học lịch sử, Tiếng Việt lịch sử, Lịch sử từ điển Hán Nôm,

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 02 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS;

- Đã hoàn thành (số lượng) 01 đề tài NCKH cấp nhà nước;

- Đã công bố 44 bài báo KH, trong đó 05 bài báo KH trên Tạp chí Quốc tế có uy tín, 02 bài quốc tế khác;

- Số lượng sách đã xuất bản 05, trong đó 05 thuộc nhà xuất bản có uy tín;

- Liệt kê 5 công trình KH tiêu biểu nhất:

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

Tran Trong Duong, "From Confucianism to Nationalism: Fictive Kinship and the Making of Vietnamese", Asian Studies, ISSN 2232-5131, DOI: 10.4312/as.2020.8.2.165-183, VIII (XXIV), 2 (2020), pp.165-183. (SCOPUS Q1, 4 H Index, thuộc danh mục Tạp chí Quốc tế Uy tín - TCQTUT của NAFOSTED).

Tran Trong Duong, "The History of Nom: A Periodization", Journal of Chinese Writing Systems, (published by SAGE- UK), ISSN: 2513-8502; Online ISSN: 2513-8510), 2019, Vol 5(2). P.175-188. (SCOPUS, từ tháng 09-2019)

Trần Trọng Dương, 2018, "Mandala of Literacy in Premodern Vietnam: A Study on Buddhist Temple", Journal of Vietnamese Studies, California University Press, Vol. 13, Issue 3, pps. 88 -126. ISSN 1559-372X, electronic 1559-3738. (ISI -ESCI, top 18/ 100, University ranking, link: https://www.timeshighereducation.com/world-university-rankings/2018/world-ranking#!/page/0/length/25/sort_by/rank/sort_order/asc/cols/stats)

Trần Trọng Dương, 2018, "Graphemic Borrowings and Transformations from Sinitic: The Case of Quốc Âm Thi Tập", Journal of Chinese Writing Systems (published by SAGE-UK), ISSN : 2513-8502 ; Online ISSN : 2513-8510), 2018, Vol 2(1) 43–57. (SAGE, top 10 NXB hàng đầu thế giới, theo SENCE, Thuộc danh mục TCQTUT của NAFOSTED)

Trần Trọng Dương 陳仲洋. 2016 《15 世紀越南語中的越語漢來詞—以阮鴈的《國音詩集》為例》 (Nghiên cứu hệ thống Việt ngữ Hán lai từ trong tiếng Việt thế kỷ XV: trường hợp Quốc âm thi tập của Nguyễn Trãi). 漢字研究 (韓國漢字研究所 Hàn Quốc Hán tự nghiên cứu sở- Kyung Sung University- Hàn Quốc, ISSN: 2093-6133) 第 14 輯. 4/2016. 137-158. (Thuộc danh mục TCQTUT của NAFOSTED)

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

+ Danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở 2019.

+ Bằng khen của Chủ tịch Viện hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam (2015) đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua giai đoạn 2011 – 2015.

+ Danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở các năm 2008-2009-2010.

+ Danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp Viện Khoa học Xã hội Việt Nam 2010.

16. Kỷ luật:

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Sau hơn 15 năm công tác nghiên cứu, giảng dạy, trong đó có 04 năm trực tiếp tham gia công tác đào tạo, giảng dạy sau đại học, những kết quả bước đầu đó thể hiện nỗ lực của cá nhân. Tôi tự đánh giá đã đạt được các tiêu chuẩn để Hội đồng xem xét chức danh Phó giáo sư ngành Văn học, chuyên ngành Hán Nôm và Văn học Việt Nam:

a. Hoàn thành nhiệm vụ giảng dạy của giảng viên thỉnh giảng (thể hiện qua các hợp đồng thỉnh giảng và thanh lý hợp đồng), hoàn thành các các nhiệm vụ giáo dục khác (xây dựng khung chương trình đào tạo cho Khoa Hán Nôm). Thâm niên trong hoạt động giáo

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN
đọc là 13 năm, trong đó 10 năm cuối liên tục giảng dạy và 4 năm cuối giảng dạy sau đại học
(giảng dạy trực tiếp trên lớp, hướng dẫn luận văn thạc sĩ, và luận án tiến sĩ).

b. Đáp ứng các tiêu chuẩn về tư tưởng đạo đức, trong đó có đạo đức giảng viên, liêm chính học thuật, có tinh thần đấu tranh chống đạo văn và các hành vi vi phạm liêm chính học thuật, quan tâm giúp đỡ học viên và hợp tác với đồng nghiệp trong hoạt động giảng dạy, nghiên cứu khoa học.

c. Đã có bằng Tiến sĩ Ngữ văn chuyên ngành Hán Nôm với tổng thời gian sau bảo vệ là 9 năm (từ 11-2011 đến nay).

d. Có đủ số lượng các công bố khoa học, bài báo khoa học theo quy định. Đã công bố 7 bài quốc tế (đều là bài viết một mình), trong đó có 01 bài ISI (ESCI), 02 bài Scopus, 02 bài quốc tế uy tín thuộc danh mục của Nafosted, 02 bài quốc tế khác.

e. Trong 03 năm cuối, đã công bố được 04 bài QTUT, 02 bài tạp chí quốc gia, 02 sách (trong đó có 01 cuốn được trao Giải thưởng Sách Quốc Gia của Hội Xuất bản Việt Nam-Bộ Thông tin và Truyền thông).

f. Đã hướng dẫn 02 học viên cao học bảo vệ thành công và nhận bằng thạc sĩ (đều là các học viên của Khoa Hán Nôm, Học viện Khoa học xã hội)

g. Sử dụng thành thạo tiếng Anh phục vụ chuyên môn và giao tiếp được bằng tiếng Anh. Đã xuất bản một số tài liệu nghiên cứu tiếng Anh, tiếng Trung, và các dịch phẩm từ tiếng Hán cổ, chữ Nôm cổ. Ngoài ra, trong các công trình nghiên cứu, tôi đều có tham khảo sử dụng nhiều tài liệu ngoại ngữ khác như tiếng Latin, tiếng Pháp.

h. Chủ trì và nghiêm thu thành công: 01 đề tài cấp Nhà nước.

i. Đã xuất bản 04 sách phục vụ đào tạo, trong đó có 01 sách giáo trình, 01 sách chuyên khảo, 02 sách tham khảo.

k. Sau khi bảo vệ xong tiến sĩ (từ 11-2011 đến 2020), tôi đã công bố 34 bài tạp chí trong đó có 07 bài TCQT, 26 bài TC trong nước), xuất bản 05 sách.

Tuy nhiên, từ năm 2016 đến nay, khi tôi chuyển hẳn sang công tác đào tạo sau đại học tại Học viện Khoa học xã hội và Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, do đặc thù của chuyên ngành hẹp và khó (ngành Hán Nôm: yêu cầu tối thiểu vừa phải biết tiếng Trung, vừa phải biết tiếng Hán cổ, chữ Hán phồn thể, và chữ Nôm- tiếng Việt cổ, vừa biết dịch thuật vừa phải có khả năng nghiên cứu), và do đặc thù của đào tạo Thạc sĩ- Tiến sĩ là rất ít học viên, và nên số lượng giờ giảng của tôi chưa đủ 135 giờ (GVTD) theo yêu cầu (khoản 3 Điều 6 quyết định số 37/2018/QĐ-TTg). Vì vậy, tôi đề xuất dùng điểm nghiên cứu khoa học để bù lại cho thiếu hụt này.

2. Thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên (*):

- Tổng số 13 năm: (2004-2007, 2010-nay)

- Khai cụ thể ít nhất 6 năm học, trong đó có 3 năm học cuối tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/ đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2012-2013					120 x 1,5		120/ 180/135
2	2013-2014					120 x 1,5		120/ 180/135
3	2014-2015					120 x 1,5		120/ 180/135
4	2015-2016					120 x 1,5		120/ 180/135
5	2016-2017			1 (+ 70 giờ)				70/70/135
3 năm học cuối								
6	2017-2018			1(+ 70 giờ)			30x2=60	60/130/135
7	2018-2019						45x2=90	90/90/135
8	2019-2020						60x2=120	120/120/135

* Từ 2012-2015, tôi giảng dạy lớp đại học có số lượng sinh viên trên 90 người. Theo quy định, được nhân hệ số 1.5 (120x1,50). Từ 2017 đến nay, tôi giảng dạy sau đại học, nên giờ trực tiếp đứng lớp nhân theo hệ số từ 1.5 đến 2 (30x2). Hướng dẫn luận văn thạc sĩ bảo vệ thành công có điểm quy đổi giờ chuẩn giảng dạy là 70 giờ.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn:.....

a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☐

- Học ĐH ☐ ; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☐ hoặc TSKH ☐ ; tại nước: năm.....

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: ☐

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ:số bằng:; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☐

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:.....

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác : ☐ tiếng Hán cổ đại (chữ Hán phồn thể, thể hiện qua Luận án tiến sĩ), và tiếng Việt cổ (chữ Nôm, thể hiện qua Luận án Tiến sĩ), tiếng Trung hiện đại (chữ Hán giản thể).

Diễn giải: +tiếng Hán cổ đại (classical language, Văn ngôn) là một ngoại ngữ - cổ ngữ (dùng chữ Hán phồn thể, và hệ thống ngữ pháp khác với ngôn ngữ nói). +Chữ Nôm là một văn tự cổ theo loại hình chữ khối vuông dùng để ghi tiếng Việt lịch sử (từ giai đoạn tiếng Việt tiền cổ thế kỷ X-XII đến thế kỷ XIX-1945). Ứng viên là người được đào tạo các trình độ cử nhân Hán học, thạc sĩ và tiến sĩ chuyên ngành Hán Nôm.

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

3.2. Tiếng Trung: chứng chỉ HSK4, tương đương B2 theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo.

4. Hướng dẫn HVCH đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên HVCH	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH	Chính	Phụ			
1	Nguyễn Thị Hiệp		X	X		2015-2016	Học viện Khoa học xã hội	Số 5264/QĐ-HVKHXXH, ký ngày 24-10-2016
2	Đỗ Văn Đô		X	X		2017-2018	Học viện Khoa học xã hội	Số 3129/QĐ-HVKHXXH ký ngày 18-06-2018
...								

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phản biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH
1	<i>Lý thuyết và thực hành chữ Nôm</i>	GT	Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2016, 320 tr.	03	CB	tr.5-250	Xem xác nhận trong hồ sơ
2	<i>Khảo cứu từ điển song ngữ Hán Việt Nhật Dụng Thường đàm của Phạm Đình Hổ</i>	CK-TK	Nxb Văn học, 2016	01	MM	5-280	Xem xác nhận trong hồ sơ
3	<i>Phạm Thái toàn tập</i>	TK	Nxb Văn học, 2019	01	MM	12-153	Xem xác nhận trong hồ sơ
4	<i>Nghiên cứu chữ Nôm và tiếng Việt qua các bản dịch Khóa hư lục</i>	CK	Từ điển bách khoa, 2012	01	MM	1-351	Xem xác nhận trong hồ sơ

Trong đó, số lượng (1-2-3-4) sách do nhà xuất bản có uy tín xuất bản sau TS: là 04 sách.

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
1	Nghiên cứu tiếng Việt cổ thế kỷ XV	CN	VII.2.4-2013.01 (cấp Nhà nước)	2014-2017	25/05/2018
...					

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế)

7.1. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố

T T	Tên bài báo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus	Số lần trích dẫn	Tập, số, trang	Năm công bố
1	<i>From Confucianism to Nationalism: Fictive Kinship and the Making of Vietnamese</i>	1	Chính (C)	Asian Studies ¹ , ISSN 2232-5131, DOI: 10.4312/as.2020.8.2. 165-183	SCOPUS		VIII (XXIV), 2, 165-183	2020
2	<i>The History of Nôm: a Periodization</i>	1	C	Journal of Chinese Writing Systems (published by SAGE- UK) ² , ISSN: 2513-8502; Online ISSN: 2513-8510. DOI: 10.1177/2513850219860592	SCOPUS (từ 09-2019)		Vol 2(5), 175-188	2019
3	<i>Mandala of Literacy in Premodern Vietnam: A Study on Buddhist Temple</i>	1	C	Journal of Vietnamese Studies, California University Press, ³	ISI (ESCI) Ranking: 18/100 top University. Web of Science Core		Vol. 13, Issue 3, pps. 88 - 126.	2018

¹ <https://revije.ff.uni-lj.si/as/issue/view/695>

² <https://journals.sagepub.com/metrics/cws>

³ <https://online.ucpress.edu/jvs/article/13/3/88/60602/A-Mandala-of-Literacy-Practices-in-Premodern>
<https://mjl.clarivate.com/search-results>

				ISSN: 1559-372X, Electronic: 1559-3738, DOI: http://doi.org/10.1525/vs.2018.13.3.88	Collection: Emerging Sources Citation Index			
4	<i>Graphemic Borrowings and Transformations from Sinitic : The Case of Quốc Âm Thi Tập</i>	1	C	Journal of Chinese Writing Systems ISSN: 2513-8502; Online ISSN: 2513-8510. DOI: 10.1177/2513850219860592	Quốc tế uy tín, thuộc danh mục NAFOSTED, (published by SAGE- UK, top 10 NXB hàng đầu thế giới).		2018, Vol 2(1), 43-57	2018
5	15 世紀越南語中的越語漢來詞—以阮鴈的《國音詩集》為例	1	C	漢字研究 Hán tự nghiên cứu, (The Journal of Chinese Character Studies, Hàn Quốc) ISSN: 2093-6133	Quốc tế uy tín, thuộc danh mục NAFOSTED		(14) 4, 137-158	2016
6	喃字研究: 喃字的来源, 历史发展和结构 (Nghiên cứu về chữ Nôm: nguồn gốc, lịch sử phát triển và kết cấu)	1	C	广西民族师范学院学报./ Quangxi Minzu Shifan Xueyuan Xuebao / Journal of Guangxi Normal University for Nationalities (Zhongguo). ISSN: 1674-8891	Tạp chí QT		29 (83) 4/2012. 82-88.	2012
7	《中世紀越南漢字詞典的類型與特點》(Từ điển Hán Nôm thời trung đại: loại hình và đặc điểm)	1	C	東亞漢籍與越南漢喃古籍辭書研究, 北京: 中國社會科學出版社 ISBN: 978-7-5203-0982-0	Kỷ yếu hội thảo quốc tế, (Trung Quốc Khoa học Xã hội xuất bản xã, Nxb uy tín)		15-41	2017
8	Các loại hình kiến trúc cầu cổ qua tư liệu Hán Nôm và lịch sử văn hóa	1	C	Tạp chí Hán Nôm, ISSN: 8066-8639			1(158), 50-66	2020
9	Cơ cấu vĩ mô- cấu trúc bảng từ bách khoa thư ngành Hán Nôm	2	C	Tạp chí Hán Nôm, ISSN: 8066-8639			2 (147), 3-23	2018

10	<i>Typology of the Mandala Buddhist Architecture of the Ly Dynasty from Archeological Findings and Writings on Stelae</i>	2	C	Vietnamese Studies (NXB Thế giới, Bộ Ngoại giao) ISSN: 1859-0985			2(204), 5-23	2017
11	<i>Từ tư liệu Hán Nôm đến biên soạn Bách khoa thư ngành Hán Nôm</i>	2	F	Tạp chí Hán Nôm, ISSN: 8066-8639			5(144) 3-22	2017
12	<i>Từ RẤT và cấu trúc {rất + danh từ}, {tính từ + rất} trong một số văn bản Nôm thế kỷ XV-XIX</i>	2	F	Tạp chí Hán Nôm, ISSN: 8066-8639			4 (143), 24-37	2017
13	<i>Từ nguyên của “lỗi”, “rối”, “trối”, “tối”, “lụy”” (Qua một số ngữ liệu tiếng Việt thế kỷ XV- XIX)</i>	1	C	Tạp chí Từ điển học và Bách khoa thư. ISSN:1859-3135			1(39), 27-32	2016
14	<i>Lai nguyên của r- qua ngữ liệu tiếng Việt thế kỷ XV trong Quốc âm thi tập</i>	1	C	Tạp chí Hán Nôm, ISSN: 8066-8639			03 (136), 11-26	2016
15	<i>Văn học biển đảo Việt Nam: nhìn từ lý thuyết diễn ngôn</i>	1	C	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam (Bộ KH&CN), ISSN:2615-9759			11 (12), 59-63	2016
16	<i>Rồng Lý Trần: biểu tượng lưỡng trị của Nho giáo Phật giáo thế kỷ X- XIV</i>	1	C	Tạp chí Khoa học Xã hội (Viện Hàn lâm KHXH) ISSN: 1013-4328; VSS A238-12552			2(87), 87-94	2015
17	<i>Muôi thúng- muỗi gổ: giải mã một công án Thiền trong Cư trần lạc đạo phú của Điều Ngự Chủ Phật Trần Nhân Tông</i>	1	C	Tạp chí Hán Nôm, ISSN: 8066-8639			5 (132), 55-63	2015
18	<i>Tổng quan giá trị di sản mộc bản: trường hợp tàng bản chùa Vĩnh Nghiêm</i>	1	C	Tạp chí Di Sản (Bộ Văn hóa, TTDL) ISSN: 1859-4956			4(53), 23-27	2015
19	<i>Lược khảo về biểu tượng thanh long trong văn hóa Việt Nam</i>	1	C	Tạp chí Di Sản (Bộ Văn hóa, TTDL) ISSN: 1859-4956			3 (52), 42-45	2015

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

20	Hệ thống từ cổ tiếng Việt thế kỷ XIII qua sáng tác Nôm của thiền phái Trúc Lâm Yên Tử	1	C	Tạp chí Hán Nôm, ISSN: 8066-8639		1(122), 43-56	2014
21	Từ nguyên của từ "Rái cá"	1	C	Tạp chí Từ điển học và Bách khoa thư. ISSN:1859-3135		5(25), 68-75	2013
22	Thủy âm kép tiếng Việt cổ thế kỷ XV qua chữ Nôm hậu kỳ trong Quốc âm thi tập	1	C	Tạp chí Hán Nôm, ISSN: 8066-8639		3(118), 18- 34	2013
23	Thủy âm kép tiếng Việt thế kỷ XIV-XV qua các chữ Nôm cổ trong Quốc âm thi tập	1	C	Tạp chí Ngôn ngữ ISSN: 0866-7519		8(279), 46-62	2012
24	Giải mã những câu thơ sáu chữ trong Quốc âm thi tập từ góc nhìn ngữ âm học lịch sử	1	C	Tạp chí Hán Nôm, ISSN: 8066-8639		1(116), 3-16	2013
25	Nghiên cứu phương pháp giải nghĩa và giải âm qua Khóa hư lục giải nghĩa và Khóa hư lục giải âm	1	C	Tạp chí Hán Nôm, ISSN: 8066-8639		4 (113), 19-30	2012
26	Từ nguyên của từ "văn hiến" trong bối cảnh tri thức Nho gia Việt Nam- Trung Hoa	1	C	Tạp chí Nghiên cứu Văn hóa.		12(07), 5-14	2011
27	Đình Bộ Lĩnh - loạn sứ quân: từ sử liệu tới sử thực	1	C	Tạp chí Nghiên cứu và phát triển ISSN: 1859-0152		1(90), 3-21	2012
28	Bản đồ và Tri tạo kiến văn địa lý ở Việt Nam thời Trung đại: qua mẫu hình nhà Nho hành đạo Nguyễn Huy Quỳnh.	1	C	Tạp chí Nghiên cứu và Phát triển ISSN: 1859-0152		04 (138), 65-86	2017
29	Nghiên cứu lịch sử, chức năng "sắc mệnh chi bảo" từ độ tụ của sử liệu	1	C	Tạp chí Nghiên cứu và Phát triển ISSN: 1859-0152		1 (135), 90-112	2017
30	Sự thay đổi hệ hình văn học: trường hợp phú Nôm Phật giáo dòng Trúc Lâm Yên Tử	1	C	Tạp chí Nghiên cứu và Phát triển ISSN: 1859-0152		9 (126), 3-22	2016
31	Tổng thuật 100 năm nghiên cứu địa lý học lịch sử Việt Nam	1	C	Tạp chí Nghiên cứu và Phát triển ISSN: 1859-0152		1 (144), 3-21	2018

32	Hoàng Sa- đóa hoa trên vương miện : tuyên bố và thực thi chủ quyền của Hoàng đế Gia Long (1802-1819)	1	C	Nghiên cứu lịch sử xứ Quảng ISBN : 978-604-84-3396-3			1 (12), 7-19	2019
33	Từ thế giới quan Phật giáo, khảo về kiến trúc một cột tại chùa Diên Hựu đời Lý	1	C	Tạp chí Nghiên cứu và Phát triển ISSN: 1859-0152			8-9(97-98), 3-31	2012
34	Tín ngưỡng bà Thủy Long: phức thể liên văn hóa	1	C	TC Khoa học Xã hội và nhân văn (bộ KHCN) ISSN: 2615-9759			17(6), 17(6)	2017
Giai đoạn 2: 2011 trở về trước								
35	Phật thuyết có phải là dịch phẩm Nôm thế kỷ XII?	1	C	Tạp chí Ngôn ngữ ISSN: 0866-7519			4(263), 31-48	2011
36	Tổng thuật tình hình nghiên cứu diễn biến cấu trúc chữ Nôm	1	C	Tạp chí Hán Nôm, ISSN: 8066-8639			2 (105), 11-28	2011
37	Vấn đề khai thác từ cổ qua hệ thống từ điển và các văn bản chữ Nôm	1	C	Tạp chí Hán Nôm, ISSN: 8066-8639			1(98), 17-37	2010
38	Khảo về Đại Cổ Việt- nước Việt- nước Phật giáo	1	C	Tạp chí Hán Nôm, ISSN: 8066-8639			2(93), 53-75	2009
39	Nghiên cứu về Tuệ Tĩnh	1	C	Tạp chí NC Lịch sử ISSN: 0866-7497			8(412), 39-52	2010
40	Tình hình cấu trúc chữ Nôm qua 'Khóa hư lục giải nghĩa' và "Khóa hư lục giải âm"	1	C	Tạp chí Hán Nôm, ISSN: 8066-8639			2 (87), 43- 57	2008
41	Đi tìm âm đọc cổ cho chữ "Lơ thơ"	1	C	Tạp chí Hán Nôm, ISSN: 8066-8639			3(76), 44-53	2006
42	Khảo sát hệ thống từ cổ trong bản giải nghĩa "Thiền tông khóa hư ngữ lục" của Tuệ Tĩnh	1	C	Tạp chí Ngôn ngữ ISSN: 0866-7519			8(207), 55-68	2006
43	Bước đầu tìm hiểu cách dịch cấu trúc bị động qua bản "Tân biên truyền kỳ mạn lục tăng bổ giải âm tập chú"	1	C	Tạp chí Hán Nôm, ISSN: 8066-8639			3 (64), 34-39	2004

44	Khảo sát ngôn ngữ thơ Nôm Nguyễn Trãi trong môi trường giảng dạy- dịch thuật kinh điển Nho gia (Từ góc nhìn liên văn bản)	1	C	Tạp chí Hợp Lưu (USA) ISSN: 1065-9323			8-9-10, 5-38	2011
----	---	---	---	--	--	--	-----------------	------

- Trong đó, 07 bài Quốc tế gồm: 05 bài QTUT, 01 bài QT khác, 01 bài Kỳ yếu QTUT. Cụ thể như sau: 01 bài ISI (ESCI, California University, top 18/ 500 University ranking), 02 bài hạng SCOPUS, 02 bài QTUT khác thuộc danh mục của Quỹ Khoa học và Phát triển Quốc gia (NAFOSTED), 01 bài QT khác. Và 01 bài kỳ yếu Hội thảo Quốc tế được in bởi Nhà xuất bản Khoa học xã hội Trung Quốc (Nxb Uy tín).

- Giai đoạn sau bảo vệ TS (2012-2020) công bố 34 bài Tạp chí (gồm: 07 bài TCQT, 26 bài TC trong nước).

- Danh mục trên chưa bao gồm hơn 50 bài nghiên cứu được công bố tại kỳ yếu Hội thảo Quốc gia- Quốc tế, Nghiên cứu Hán Nôm, Thông báo Hán Nôm, Nghiên cứu Mỹ thuật...

7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

7.3. Giải thưởng quốc gia:

TT	Tên giải thưởng	Cơ quan/tổ chức ra quyết định	Số quyết định và ngày, tháng, năm	Số tác giả
1	Giải thưởng Sách Quốc Gia 2019 (Giải B) cho công trình <i>Nguyễn Trãi quốc âm từ điển</i> , Nxb Văn học, Hà Nội, 2018, 575 trang, ISBN: 978-604-969-333-5.	Hội đồng Giải thưởng Sách Quốc gia, Hội Xuất bản Việt Nam thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông	2233/QĐ-BTTTT ngày 23-12-2019	01
...				

- Trong đó, các số TT giải thưởng quốc gia sau khi được cấp bằng TS: 01

7.4. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế.

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

Xây dựng khung chương trình đào tạo Thạc sĩ và Tiến sĩ của Khoa Hán Nôm, Học viện Khoa học Xã hội.

Chủ trì đề tài cấp nhà nước về “Nghiên cứu tiếng Việt cổ thế kỷ XV” do Nafotd tài trợ, đã nghiệm thu năm 2018.

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo:

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

- Giờ chuẩn giảng dạy:

Năm học 2017-2018: 130/135

Năm học 2018-2019: 90/135

Năm học 2019-2020: 120/135

→ **Đề xuất bù bằng số điểm công trình khoa học (gấp đôi, điểm của khối Khoa học xã hội và Nhân văn)**

- Hướng dẫn chính HVCH:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì nhiệm vụ KH&CN (UV chức danh PGS) ☐

- Không đủ số CTKH là tác giả chính:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: CTKH ; ☐ CTKH ☐

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: CTKH ☐

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

(*) Các công trình khoa học thay thế không được tính vào tổng điểm.

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 25 tháng 6 năm 2020

NGƯỜI ĐĂNG KÝ



TS. Trần Trọng Dương